

Soạn văn 10:

Bài Ôn tập văn học dân gian Việt Nam

1. Soạn bài: Ôn tập văn học dân gian Việt Nam (siêu ngắn) mẫu 1

1.1. Nội dung ôn tập

Câu 1 (trang 100 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

Các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian

Các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian Việt Nam			
Tính truyền miệng	Tính tập thể	Tính thực hành	Ví dụ
<ul style="list-style-type: none"> - Truyền miệng là phương thức lưu hành và tồn tại của văn học dân gian. - Tính chất của quá trình truyền miệng là sự ghi nhớ theo kiểu nhập tâm, phổ biến bằng miệng cho người khác, thường được truyền miệng theo không gian (từ vùng này qua vùng khác), theo thời gian (từ đời trước đến đời sau). - Tính truyền miệng biểu hiện qua diễn xướng dân gian tạo nên tính dị bản và hoàn thiện tác phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình sáng tác tập thể được diễn ra như sau: ban đầu, tác phẩm do một cá nhân khởi xướng sau đó tập thể hưởng ứng tham gia sửa chữa, thêm bớt và hoàn thiện tác phẩm đó. - Tác phẩm dân gian sau khi ra đời đã trở thành tài sản chung của tập thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn tác phẩm văn học dân gian được ra đời, truyền tụng và phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt cộng đồng (hò chèo thuyền, hò đánh cá...) 	<ul style="list-style-type: none"> sử thi Đăm Săn (Ê đê), truyền thuyết An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy, các bài ca dao, truyện cười, truyện ngụ ngôn....

hơn.			
------	--	--	--

Câu 2 (trang 100 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

Các thể loại văn học dân gian đã học

Truyện dân gian	Câu nói dân gian	Thơ ca dân gian	Sân khấu dân gian
Thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện thơ	Tục ngữ, câu đố	Ca dao, vè	Tuồng dân gian, chèo

Câu 3 (trang 100 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

Đặc điểm của các thể loại truyện kể dân gian

Thể loại	Mục đích sáng tác	Hình thức lưu truyền	Nội dung phản ánh	Kiểu nhân vật	Đặc điểm nghệ thuật
Sử thi (anh hùng)	ngợi ca phẩm chất anh hùng và khát vọng phát triển cộng đồng của người xưa	Hát, kể	Xã hội cổ đại ở giai đoạn tiền giai cấp, những tình cảm, khát vọng cao đẹp của con người	Người anh hùng kì vĩ, trọng danh dự, đạo đức và trách nhiệm đối với cộng đồng	So sánh, phóng đại, trùng điệp tạo nên những hình tượng hoành tráng.
Truyện thuyết	Bày tỏ thái độ và cách đánh giá của nhân vật đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử	kể, diễn xướng (lễ hội)	Các sự kiện, nhân vật lịch sử có thật được thần kì hóa qua một cốt truyện hư	Nhân vật lịch sử được truyền thuyết hóa	Dựa trên các sự kiện lịch sử có thật, hư cấu thành câu chuyện kì ảo

			câu		
Truyện cổ tích	thể hiện ước mơ của người dân trong xã hội có giai cấp: thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà.	kể	Xung đột xã hội, cuộc đấu tranh giữa các lực lượng tốt - xấu, chính nghĩa – gian tà,...	Kẻ mồ côi, mù di ghẻ, người lao động nghèo khổ, bất hạnh,...	Truyện hoàn toàn hư cấu, kết cấu theo đường thẳng, nhân vật chính thường trải qua ba chặng trong cuộc đời.
Truyện cười	Mua vui, giải trí, châm biếm, phê phán những thói hư tật xấu trong nội bộ nhân dân, tố cáo giai cấp thống trị xấu xa.	kể	Những điều trái tự nhiên, thói hư tật xấu đáng cười, đáng chê trách của con người.	Nhân vật có nét xấu	Truyện rất ngắn, ít nhân vật, tạo tình huống bất ngờ, kết thúc đột ngột để gây cười.

Câu 4 (trang 101 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

a.- Ca dao than thân thường là lời than của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Thân phận của họ long đong, lận đận bị phụ thuộc vào người khác, giá trị của họ không ai biết đến. Những hình ảnh ẩn dụ thường được sử dụng: tấm lụa đào, củ ấu gai,...

- Ca dao yêu thương tình nghĩa đề cập đến tình bạn cao đẹp, tình yêu lứa đôi thắm thiết mặn nồng, nỗi nhớ nhung da diết và tình nghĩa thủy chung,...của con người trong cuộc sống. Các biểu tượng thường được sử dụng: tấm khăn, ngọn đèn, cái cầu, cây đa, bến nước – con thuyền, gừng cay - muối mặn,...

- Ca dao hài hước phê phán những thói tật xấu của con người và nói lên tinh thần lạc quan yêu đời của người dân lao động trong cuộc sống vất vả của họ.

b. Các biện pháp nghệ thuật thường được sử dụng trong ca dao: so sánh, ẩn dụ, phóng đại, nói giảm,...

1.2. Bài tập vận dụng

Bài 1 (trang 101 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

- Những nét nổi bật trong nghệ thuật miêu tả Đăm Săn: so sánh, phóng đại, trùng điệp. Dẫn chứng: “một lần xóc tới...vượt một đồi tranh. Một lần xóc tới nữa...qua phía tây...”, “múa trên cao, gió như bão,...rẽ bay tung”, đôi mắt “long lanh như mắt chim ghéch”, bắp chân “to bằng cây xà ngang”,...

- Hiệu quả nghệ thuật: lí tưởng hóa vẻ đẹp của người anh hùng sử thi, một vẻ đẹp kì vĩ trong một không gian hoành tráng.

Bài 2 (trang 101 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

Cái lỗi sự thật lịch sử	Bi kịch được hư cấu	Những chi tiết hoang đường, kì ảo	Tính chất của bi kịch	Kết cục của bi kịch	Bài học rút ra
Cuộc xâm lược của Triệu Đà với nhà nước Âu Lạc thời An Dương Vương	Bi kịch tình yêu, bi kịch gia đình, bi kịch quốc gia	Thần Kim Quy, nỏ thần, ngọc trai - giếng nước, An Dương Vương đi xuống biển	Dữ dội, quyết liệt	Tình yêu, gia đình, đất nước đều bị mất	Luôn cảnh giác trước kẻ thù, không được nhẹ dạ cả tin.

Bài 3 (trang 101 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

Phân tích truyện cổ tích Tấm Cám để làm sáng tỏ “sự chuyển biến của hình tượng nhân vật Tấm: từ yếu đuối, thụ động đến kiên quyết đấu tranh giành lại sự sống và hạnh phúc cho mình:

- Thời gian đầu, Tấm yếu đuối, thụ động. Luôn khóc khi gặp khó khăn, chỉ trông cậy vào Bụt. Bị mất giỏ cá, Tấm khóc. Bị mất Bông, Tấm cũng khóc,...
- Thời gian sau, kể từ khi làm hoàng hậu, Tấm kiên quyết đấu tranh bảo vệ hạnh phúc và giành sự sống cho mình. Lúc này, Bụt không còn giúp Tấm nữa. Tự Tấm phải tìm cách biến hóa để tồn tại, để được trở lại làm người, xinh đẹp và hạnh phúc hơn.

Bài 4 (trang 102 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

Tên truyện	Đối tượng cười (Cười ai?)	Nội dung cười (Cười cái gì?)	Tình huống gây cười	Cao trào để tiếng cười “ôa” ra
Tam đại con gà	Học trò dốt mà làm thầy đồ, ông bố	Sự giấu dốt của con người	- Không biết chữ kê - Khẩn hỏi thỏ công.	Khi anh học trò dốt đọc kê thành Dủ dĩ là con dù dĩ
Nhưng nó phải bằng hai mày	Thầy lí, Cải, Ngô	Sự trơ tráo của kẻ ăn hối lộ, tấn bi hài kịch của kẻ hối lộ	Hối lộ tiền mà vẫn bị đánh. Nhận tiền hối lộ mà vẫn đánh đòn người hối lộ	Khi thầy lí nói Nhưng nó lại phải bằng hai mày

Bài 5 (trang 102 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

- a. - Thân em như hạt mưa rào
Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa
- Thân em như trái bần trôi
Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu
- Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ dưới chợ biết vào tay ai
- Chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều

- *Chiều chiều mây phủ Sơn Trà*

Lòng ta thương bạn nước mắt và lộn com

- *Chiều chiều lại nhớ chiều chiều*

Nhớ người yếm trắng dài điều thất lưng

Mở đầu các bài ca dao như vậy có tác dụng nhấn mạnh và tạo thói quen để người nghe dễ tiếp nhận.

b.

- Các hình ảnh so sánh, ẩn dụ trong những bài ca dao đã học: tấm lụa đào, củ ấu gai, chiếc khăn, ngọn đèn, trăng, sao, mặt trời,....

- Tác giả dân gian lấy các hình ảnh đó trong cuộc sống đời thường, trong thiên nhiên...nâng lên thành hình ảnh ẩn dụ nên dễ cảm nhận, dễ đi vào lòng người.

c. Một số câu ca dao nói về:

- *Chiếc khăn, chiếc áo:*

+ *Gửi khăn, gửi áo, gửi lời*

Gửi đôi chàng mạng cho người đang xa

+ *Nhớ khi khăn mở trầu trao*

Miệng chỉ cười nụ biết bao nhiêu tình

- *Nỗi nhớ của những đôi lứa đang yêu:*

+ *Nhớ ai bồi hồi bồi hồi*

Như đứng đống lửa như ngồi đống than

- *Biểu tượng cây đa, bến nước – con thuyền, gừng cay - muối mặn:*

+ *Thuyền ơi có nhớ bến chăng*

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền

+ *Cây đa cũ, bến đò xưa*

Bộ hành có nghĩa, nắng mưa cũng chờ.

+ *Tay nâng chén muối, đĩa gừng*

Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau

d. Một vài bài ca dao hài hước:

-Xấn quần bắt kiến cười chơi

Trèo cây rau má đánh rơi mắt quần.

-Ngồi buồn đốt một đồng rơm

Khói bay nghi ngút chẳng thơm chút nào

Khói lên đến tận Thiên Tào,

Ngọc Hoàng phán hỏi: Thằng nào đốt rơm?

Bài 6 (trang 102 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

- Dân gian có câu tục ngữ:

“Cố đấm ăn xôi

Làm mượn không công”

Thì Hồ Xuân Hương có câu:

“Cố đấm ăn xôi, xôi lại hổng

Cầm bằng làm mượn, mượn không công”

- Chế Lan Viên mượn hình ảnh Thánh Gióng trong bài thơ Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?:

Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt

Mỗi con sông đều muốn hóa Bạch Đằng.

2. Soạn bài: Ôn tập văn học dân gian Việt Nam (siêu ngắn) mẫu 2

2.1. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Bài học này nhằm củng cố, hệ thống hóa những kiến thức đã học về văn học dân gian Việt Nam. Vì vậy để ôn tập tốt, cần chú ý:

- Những kiến thức chung về văn học dân gian (khái niệm, đặc điểm về nội dung và nghệ thuật).
- Những kiến thức về thể loại (nhất là những thể loại đã được học).
- Những kiến thức về đoạn trích hoặc tác phẩm đã học.

2.2. RÈN KĨ NĂNG

1. Định nghĩa về văn học dân gian có thể được phát biểu theo nhiều cách nhưng cần chú ý thể hiện được những đặc điểm cơ bản của dòng văn học này:

Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, được hình thành, tồn tại và phát triển nhờ tập thể. Tác phẩm văn học dân gian gắn bó và phục vụ cho các hoạt động khác nhau trong đời sống cộng đồng.

2. Các đặc trưng của văn học dân gian (xem chi tiết trong bài 2 - khái quát văn học dân gian Việt Nam):

- Là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng.
- Là sáng tạo mang tính tập thể.
- Gắn bó và phục vụ cho các sinh hoạt cộng đồng.

Người ta còn gọi 3 đặc trưng trên là: tính truyền miệng, tính tập thể và tính thực hành.

Có thể minh họa:

- Tính truyền miệng: Các tác phẩm văn học dân gian đều gắn với quá trình diễn xướng. Đặc điểm này thể hiện rất rõ trong ca dao (gắn với lời hát), sử thi, cổ tích (gắn với hình thức kể),... Ví dụ bài ca dao về "lời dẫn cưới và thách cưới" (học trong bài 9) thực chất là lời hát đối đáp của tập thể trai gái trong ngày hội hoặc trong một buổi sinh hoạt tập thể nào đó.
- Tính tập thể: Nghĩa là nói đến tính vô danh (tác phẩm là sản phẩm của cả cộng đồng) và tính dị bản của văn học dân gian. Chính việc tác phẩm văn học dân gian không bị "hạn chế" về việc sửa chữa trong quá trình truyền miệng nên mới sinh ra các văn bản khác nhau của cùng một tác phẩm (các dị bản: các câu cao dao có mô típ mở đầu là: "Thân em như...").
- Tính thực hành: Đặc trưng này thể hiện rất rõ trong các bài ca nghi lễ, bài hát đối đáp giao duyên, các bài hò lao động...

3. Văn học dân gian Việt Nam gồm những thể loại chính như: thần thoại, sử thi dân gian, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, tục ngữ, câu đố, ca dao – dân ca, vè, truyện thơ, các thể loại sân khấu (chèo, tuồng, múa rối, các trò diễn mang tích truyện).

4. Những đặc trưng chủ yếu của một số thể loại văn học dân gian:

a) Sử thi (nhất là sử thi anh hùng)

Nội dung: đề cập tới những vấn đề có ý nghĩa lớn đối với đời sống của cộng đồng.

Đặc điểm nghệ thuật:

- Là những tác phẩm tự sự có quy mô lớn.
- Hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng về sức mạnh và trí tuệ.
- Câu văn trùng điệp, ngôn ngữ trang trọng, giàu hình ảnh, giàu nhịp điệu với những biện pháp so sánh, ẩn dụ và phóng đại đặc trưng.

b) Truyền thuyết

Nội dung: Kể về những sự kiện và nhân vật lịch sử (hoặc có liên quan đến lịch sử) theo quan điểm đánh giá của dân gian.

Đặc điểm nghệ thuật:

- Là những tác phẩm văn xuôi tự sự có dung lượng vừa phải.
- Có sự tham gia của những chi tiết, của các sự việc có tính chất thiêng liêng kì ảo (các nhân vật thần, các đồ vật kì ảo có phép lạ hay những sự biến thân).

c) Truyện cổ tích

Nội dung:

- Là những câu chuyện kể về số phận của những con người bình thường hay bất hạnh trong xã hội (chàng trai nghèo, người thông minh, người em, người đi ở, chàng ngốc,...)
- Thể hiện tinh thần nhân đạo và sự lạc quan của người lao động.

Đặc điểm nghệ thuật:

- Là những tác phẩm văn xuôi tự sự.

- Cốt truyện và hình tượng đều được hư cấu rất nhiều.
- Có sự tham gia của nhiều yếu tố kì ảo hoang đường (nhân vật thần: bụt, tiên, phù thủy,... các vật thần kì ảo như cây đũa thần, cái thảm bay,... hoặc những sự biến hoá kì ảo,...).
- Thường có một kết cấu quen thuộc: Nhân vật chính gặp khó khăn hoạn nạn cuối cùng vượt qua và được hưởng hạnh phúc.

d) Truyện cười

- Nội dung: Phản ánh những điều kịch côm, rôm rỏi trong xã hội, những sự việc xấu hay trái với lẽ tự nhiên trong cuộc sống mà có tiềm ẩn những yếu tố gây cười.
- Đặc điểm nghệ thuật: Dung lượng ngắn, kết cấu chặt chẽ, mâu thuẫn phát triển nhanh, kết thúc bất ngờ và độc đáo.

g) Truyện thơ

Nội dung: Diễn tả tâm trạng và suy nghĩ của con người khi hạnh phúc lứa đôi và sự công bằng xã hội bị tước đoạt.

Đặc điểm nghệ thuật:

- Truyện thơ là những tác phẩm tự sự dân gian bằng thơ nên nó vừa có tính chất tự sự (có cốt truyện) vừa giàu tính chất trữ tình.
- Thường sử dụng những hình ảnh so sánh, ví von, các biện pháp điệp từ, điệp cú pháp (điệp câu) để nhấn mạnh ý.
- Là những tác phẩm có dung lượng lớn (Tiền dân người yêu có hơn 1800 câu thơ).

5. Bảng tổng hợp các thể loại văn học dân gian

Truyện dân gian	Câu nói dân gian	Thơ ca dân gian	Sân khấu dân gian
Thần thoại, cổ tích truyền thuyết, ngụ ngôn, sử thi truyện cười, truyện thơ	Tục ngữ, câu đố	Ca dao - dân ca, vè	Chèo, tuồng hài

6. Bảng tổng hợp, so sánh các thể loại văn học dân gian

Thể loại	Mục đích sáng tác	Hình thức lưu truyền	Nội dung phản ánh	Kiểu nhân vật	Đặc điểm nghệ thuật
Sử thi anh hùng	Ghi lại cuộc sống và mơ ước phát triển cộng đồng người Tây Nguyên xưa	Hát - kể	Hình ảnh xã hội Tây Nguyên ở giai đoạn tiền giai cấp, tiền dân tộc	Người anh hùng kì vĩ, cao đẹp, giàu lí tưởng	Sử dụng thủ pháp so sánh phóng đại, trùng điệp tạo ra sự hoành tráng, kì vĩ
Truyện thuyết	Thể hiện thái độ, cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và các nhân vật lịch sử	Kể - diễn xướng (dịp lễ hội)	Kể về các sự kiện, nhân vật lịch sử có thật nhưng đã được khúc xạ qua hư cấu tưởng tượng	Nhân vật lịch sử được truyền thuyết hóa (An Dương Vương, Mị Châu, Trọng Thủy)	Có sự tham gia của những chi tiết, của các sự việc có tính chất thiêng liêng kì ảo (các nhân vật thần, các đồ vật kì ảo có phép lạ hay những sự biến thân)
Truyện cổ tích	Thể hiện nguyện vọng ước mơ của nhân dân trong xã hội có giai	Kể	Xung đột xã hội, cuộc đấu tranh giữa thiện và ác. Giữa chính	Người con riêng, người con út, người bất hạnh, người nghèo,	Truyện không có thật, kết cấu theo kiểu đường thẳng, nhân vật chính

	cấp		nghĩa với gian tà	mụ dì ghẻ...	trải qua các chặng khác nhau trong cuộc đời
Truyện cười	Mua vui, giải trí châm biếm, phê phán xã hội nhằm giáo dục trong nội bộ nhân dân, hoặc lên án, tố cáo giai cấp thống trị	Kể	Những điều trái tự nhiên, những thói hư tật xấu trong xã hội	Kiểu nhân vật có thói hư tật xấu (học trò giầu dốt, thầy lí tham tiền...)	Truyện ngắn gọn, tình huống bất ngờ, mâu thuẫn phát triển nhanh và kết thúc đột ngột để gây cười

7. a) Ca dao than thân thường là lời của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. Thân phận của họ thường bị phụ thuộc vào những người khác trong xã hội, giá trị phẩm chất của họ không được người ta biết đến và trân trọng. Thân phận ấy thường được so sánh như: củ ấu gai, tấm lụa đào, hạt mưa, miếng cau khô, cái giếng...

Ca dao yêu thương, tình nghĩa đề cập đến tình bạn cao đẹp, tình yêu đôi lứa (với những cung bậc phong phú như nhớ thương, hờn giận...), tình cảm gia đình, tình nghĩa thủy chung của con người trong cuộc sống,...

Ca dao yêu thương thường gắn với những biểu tượng như cái khăn, chiếc cầu,... vì đây là những vật, những nơi mà nam nữ thường có nhiều kỉ niệm. Cái khăn là kỉ vật luôn đi cùng người con gái. Nó mang theo hơi ấm của người yêu. Còn chiếc cầu là nơi nam nữ hẹn hò tâm sự.

Ca dao tình nghĩa còn thường sử dụng những ước lệ như cây đa, bến nước, con thuyền, gừng cay, muối mặn... Vì đó là những hình ảnh vừa gần gũi, quen thuộc

với người bình dân vừa biểu tượng cho sự chia li, chờ đợi hay cho những ước muốn, khát khao về sự thủy chung tình nghĩa của con người.

Trong ca dao hài hước, tiếng cười tự trào là tiếng cười hóm hỉnh, hồn nhiên vô tư nhằm "thi vị hóa" cuộc sống nghèo khổ của mình. Nó là tiếng cười tiếp sức để người ta vượt lên hoàn cảnh. Trong khi đó tiếng cười phê phán xã hội có mục đích đấu tranh xã hội mạnh mẽ hơn. Nó hướng vào những thói hư tật xấu trong nội bộ hoặc lên án giai cấp thống trị ti tiện, tham lam,... Tiếng cười phê phán có nhiều mức độ: nhắc nhở, giễu cợt, đả kích, phủ nhận,...

Có thể nhận xét rằng ca dao hài hước là sản phẩm của tâm hồn lạc quan yêu đời của người lao động. Nó nảy sinh ngay từ trong cuộc sống vất vả, khôn khó và bộn bề lo toan của người nông dân.

b) Các biện pháp nghệ thuật thường sử dụng trong ca dao:

- Thường lặp lại các mô thức mở đầu: thân em, em như, cô kia, ước gì,...
- Sử dụng nhiều các mô típ biểu tượng: gừng cay - muối mặn, con đò, bến đợi, ngọn đèn, tấm khăn, cái cầu,...
- Sử dụng phổ biến các biện pháp so sánh, ẩn dụ, cường điệu, tương phản đối lập.
- Sử dụng các thể thơ quen thuộc của dân gian (chủ yếu là lục bát).
- Ngôn ngữ mang tính chất lời ăn tiếng nói hàng ngày, tuy rất đời thường nhưng mang nhiều hàm nghĩa sâu sắc...

Các biện pháp nghệ thuật này có khá nhiều điểm khác với nghệ thuật thơ của văn học viết. Lí do của sự khác biệt đó là do ca dao, là sản phẩm, là tiếng nói của cộng đồng. Tập thể sáng tác bao giờ cũng có xu hướng tìm những cách thức diễn đạt có tính phổ biến chung. Trong khi đó những sáng tác của văn học viết lại in đậm những dấu ấn cá nhân (luôn có xu hướng tìm cách diễn đạt mới, lạ lẫm để thu hút độc giả và để tạo ra những "ấn tượng nghệ thuật" riêng).

8. Nhận xét về hai đoạn miêu tả cảnh Đam Săn múa khiên và đoạn cuối tả hình ảnh và sức khoẻ của chàng trong đoạn trích Chiến thắng Mtao Mxây:

Trong ba đoạn văn này, nét nổi bật trong nghệ thuật miêu tả nhân vật anh hùng nằm ở các thủ pháp sau:

Thủ pháp so sánh: Với những câu văn như "chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc", "Bắp chân chàng to bằng cây xà ngang, bắp đùi chàng to bằng ống bễ, sức chàng ngang sức voi đực...".

Thủ pháp phóng đại: "Một lần xóc tới, chàng vượt một đôi tranh", "khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đôi tranh bật rẽ bay tung"...

Thủ pháp trùng điệp: Nằm ở nội dung của các câu văn và ở cả cách thức thể hiện. Các hành động, cũng như đặc điểm của Đam Săn đều được luyện láy nhiều lần nhằm tạo nên sự kì vĩ, lớn lao: "Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây", "Bắp chân chàng to bằng cây xà ngang... Đam Săn vốn ngang tàng từ trong bụng mẹ",...

Sự kết hợp linh hoạt của các biện pháp nghệ thuật này cùng với trí tưởng tượng hết sức phong phú của tác giả, dân gian đã góp phần tôn lên vẻ đẹp của người anh hùng sử thi - một vẻ đẹp kì vĩ lớn lao trong một khung cảnh cũng rất hoành tráng và dữ dội.

9. Tấn bi kịch của Mị Châu - Trọng Thủy trong chuỗi truyện thuyết An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy.

Cái cốt lõi sự thật lịch sử	Hur cấu thành bi kịch gì?	Với những chi tiết hoang đường kì ảo nào?	Tính chất của bi kịch	Kết quả của bi kịch	Bài học rút ra
Cuộc xung đột giữa An Dương Vương và Triệu Đà	Bi kịch tình yêu (lòng vào bi kịch gia	Thần Kim Quy, lẫy nỏ thần, Ngọc Trai – giếng nước, Rùa vàng rẽ nước dẫn	Dữ dội, quyết liệt và toàn diện	Mất tất cả: Tình yêu	Cảnh giặc giữ nước, không ý thức chủ quan,

thời kì Âu Lạc (theo lịch sử nước ta)	đình, quốc gia)	An Dương Vương xuống biển		- Gia đình - Đất nước	không nhẹ dạ cả tin
---	--------------------	------------------------------	--	--------------------------	------------------------

10. Đặc sắc nghệ thuật của truyện Tấm Cám là đã khắc họa được hình tượng Tấm có sự phát triển về tính cách. Theo dõi câu chuyện, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy điều này:

Ở giai đoạn đầu, khi gặp những sự đè nén hay những khó khăn, Tấm rất thụ động, yếu đuối, thường chỉ khóc không biết làm gì (lúc mất giỏ cá, lúc mất con bồng, lúc bị bắt ngồi nhặt thóc...). Ở giai đoạn này, Tấm chỉ biết trông đợi vào sự giúp đỡ của bên ngoài (ông Bụt).

Nhưng đến giai đoạn sau, Tấm đã kiên quyết đấu tranh để giành lại cuộc sống, giành lại hạnh phúc (chim vàng anh, chiếc khung cửi đều lên tiếng dọa Cám và kết thúc truyện, Tấm đã buộc mẹ con Cám phải nhận một kết cục xứng đáng với tội ác của mình). Ở giai đoạn này, tuy Tấm nhiều lần hóa thân nhưng nhân vật Bụt đã không còn xuất hiện. Thay vào đó, Tấm đã chủ động hơn trong những hành động của mình.

Có thể nói, sở dĩ có sự phát triển về tính cách như vậy là vì ban đầu, Tấm chưa ý thức được thân phận của mình, những mâu thuẫn thì chưa tới mức căng thẳng và quyết liệt. Hơn nữa, Tấm lại có sự giúp đỡ của nhân vật thần kì nên Tấm còn thụ động. Ở giai đoạn sau, mâu thuẫn bắt đầu quyết liệt đẩy Tấm vào thế phải đấu tranh để giành lại cuộc sống và hạnh phúc của mình. Sự phát triển tính cách của nhân vật Tấm cũng cho thấy sức sống bất diệt của con người trước sự vùi dập của các thế lực thù địch. Nó là sự chiến thắng của cái thiện trước cái ác trong cuộc sống.

11. Bảng phân tích truyện cười

Truyện	Đối tượng cười (Cười ai?)	Nội dung cười (Cười cái gì?)	Tình huống gây cười	Cao trào để tiếng cười òa ra
Tam đại con gà	Anh học trò "dốt hay nói chữ"	Tật "giấu dốt" của con người	Luống cuống khi không biết chữ "kê"	Khi anh học trò nói: "Dù dĩ là chị con công..."
Nhưng nó phải bằng hai mày	Thầy lí Cải và Ngô	Tâm bi hài kịch của việc hối lộ và ăn hối lộ	Đã đút lót tiền hối lộ mà vẫn bị đánh (Cải)	Khi thầy lí nói: "... Nhưng nó lại phải... bằng hai mày!"